

Bản án số: 137/2024/KDTM-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

2. Bà Lê Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST-KT ngày 22/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6391/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9130/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S

Địa chỉ: Số F T, phường T, thị trấn Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim P; sinh năm 2084; Căn cước công dân: 037184004763 hoặc bà Tô Thị Thu T, sinh năm 2000, căn cước công dân số: 079300037713; địa chỉ liên hệ: 9 H, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/GUQ ngày 13/11/2023) – (Phiên tòa có mặt bà P, vắng mặt bà T)

- Bị đơn: Công ty TNHH D; Mã số doanh nghiệp: 0314912857

Địa chỉ: Số L Tầng A Tòa nhà V, G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Quang H, sinh năm 1983, Căn cước công dân số: 044083009010; Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Xóm D, Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023, Bản tự khai đề ngày 17/01/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S trình bày:*

Công ty TNHH S (Sau đây gọi là Công ty S) và C1 (Sau đây gọi là Công ty D) ký Hợp mua bán hàng hóa số 001/11/2020 DRC-TAP/HĐMB ngày 15/11/2020. Theo đó, hai bên đã thống nhất thỏa thuận về đối tượng mua bán và giá cả của hợp đồng như sau

Hạt điều w240: $1500 * 22,68(\text{kg}) * 34020\text{kg} * 7,6$ (đơn giá USD) = 258.552 USD và Hạt điều w320: $750 * 22,68(\text{kg}) * 17010\text{kg} * 6,6$ (đơn giá USD) = 112.266 USD, tổng cộng là 370.818 USD.

Giá theo hợp đã bao gồm thuế giá gia tăng. Phương thức thanh toán tại khoản 2.2 Điều 2 hợp thỏa thuận như sau: *“Tổng giá trị hợp là 370.818 USD, số tiền thanh toán được quy đổi theo tỷ giá VNĐ Ngân hàng Vietcombank ngày thanh toán. Bên mua thanh 100% sau khi hai bên ký hợp đồng và giao hàng trong vòng 3 ngày làm việc (không tính ngày nghỉ), hoặc ủy quyền một lần ngân thu hộ khi số tiền thanh toán của hợp đồng số: LC/CIF/DRC-VCD/001/11-2020 khi nhận được tiền từ LC”.*

Như vậy, nghĩa vụ thanh toán của Công ty D phát sinh kể từ thời điểm hai bên hoàn thành việc ký kết hợp đồng và bên bán đã giao hàng.

Ngày 28/11/2020, Công ty S và Công ty D đã tiến hành ký biên bản giao nhận hàng hóa theo hợp đồng đã ký kết. Theo đó, hai bên đã thống nhất về số lượng hàng hóa giao nhận là 15.876 tấn (700 * 22,68 kg) hạt điều W320 (Container số CMAU 085071322G1, SEAL: P7193597). Phía Công ty D cũng đã xác nhận Công ty S đã giao hàng đúng với chủng loại, chất lượng và số lượng như trên. Cùng ngày, Công ty S cũng đã xuất Hóa đơn VAT theo số lượng hàng hóa đã giao nhận cho Công ty D với số tiền 2.437.220.016 đồng, theo tỷ giá USD bán ra vào ngày 28/01/2020 của V là 23.260 đồng/USD .

Đầu tháng 01 năm 2021, Công ty S nhận được Văn ủy quyền (bản photo) từ phía Công ty D. Theo nội dung văn bản, Công ty D đã thực hiện ủy quyền cho bà Trần Thị Mỹ L (Sinh năm: 1995; CMND số: 241594234) đại diện Công ty D thực

hiện đi ủy nhiệm chi thanh toán cho Công ty S số tiền 2.437.220.016 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay nguyên đơn vẫn chưa nhận được số tiền thanh toán này từ Công ty D. Đồng thời, xuất phát từ việc Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty S đã không thực hiện tiếp việc giao hàng đối với số hàng hóa còn lại theo hợp đồng.

Việc Công ty D1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng cam kết giữa hai bên. Do hợp mua bán hai bên không thỏa thuận xác định cụ thể mức lãi suất khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, yêu cầu Công ty D phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất 10%/năm (tạm tính) tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Cụ thể, yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 2.437.220.016 đồng từ ngày 28/11/2020 đến ngày 30/10/2023 (tạm tính) là 711.801.791 đồng.

Ngoài ra, tại Điều 5 hợp đã quy định: “*Nếu bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại hợp này thì sẽ bị phạt số tiền là 5% tổng giá trị hợp đồng vi phạm*”, thỏa thuận này của hai bên cũng phù hợp với quy định tại Điều 301 Luật Thương mại. Như vậy, do phía Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp (Chưa thực hiện bất kỳ khoản thanh toán nào cho Công ty S) nên Công ty D còn phải chịu chế tài phạt vi phạm 5% tổng giá trị hợp đồng vi phạm tương đương với số tiền 121.861.000 đồng.

Công ty S đã nhiều lần liên hệ, làm việc, trao đổi cùng Công ty D nhưng đến nay vẫn không nhận được thiện chí giải quyết vấn đề từ phía đối tác. Vì vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc:

- Công ty TNHH D phải thanh toán tiền mua hàng là 2.437.220.016 đồng.

- Công ty TNHH D phải thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm (Tạm tính) tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Yêu cầu tính lãi đến ngày B định có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi tạm tính từ ngày 28/11/2020 (Ngày hai bên nhận hàng) đến ngày 30/10/2012 (Tạm tính) là 711.801.791 đồng.

- Buộc Công ty TNHH D phải thanh toán tiền phạt vi phạm Hợp đồng (5% tổng giá trị hợp vi phạm) cho Công ty TNHH S là 121.861.000 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH D phải thanh toán (tạm tính) là 3.270.882.807 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn là C1 có ông Lê Quang H là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho Tòa án.

- **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán tiền mua bán hàng hóa còn thiếu là 2.437.220.016 đồng, tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi 10%/năm tính từ ngày 28/11/2020 (Ngày giao nhận hàng hóa) đến ngày xét xử sơ thẩm 28/6/2024 là 873.392.817 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 121.861.000 đồng. Tổng cộng là 3.432.473.833 đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ xác định hai bên có xác lập Hợp đồng mua bán hàng hóa số 001/11/2020 DRC-TAP/HĐMB ngày 15/11/2020, nguyên đơn đã giao hàng hóa theo hợp đồng ký kết cho bị đơn, bị đơn đã nhận hàng và chưa trả tiền hàng cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 2.437.220.016 đồng, tiền lãi 873.392.817 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 121.861.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Công ty TNHH S khởi kiện Công ty TNHH D tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; bị đơn có trụ sở tại địa chỉ số L, Tầng T, Số Lê Thành Tôn, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã triệu tập họp lệ Công ty D đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng Công ty D vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, xét thấy việc xét xử vắng mặt Công ty D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Đại diện theo pháp luật của bị đơn đã nhận trực tiếp tại Tòa các Thông thụ lý vụ án, T1 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng vẫn không đưa ra đủ chứng cứ vẫn hoặc không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Xét yêu cầu của Công ty S buộc Công ty D thanh toán số tiền nợ còn thiếu là 2.437.220.016 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố tại phiên tòa gồm: Bản sao hợp đồng mua bán hàng hóa số Hợp mua bán hàng hóa số 001/11/2020 DRC-TAP/HĐMB ngày 15/11/2020; bản sao Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000087 ngày 28/11/2020 trị giá 2.437.220.016 đồng; Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 28/11/2020; bản photo văn bản quyền của Công ty D ngày 04/01/2024, có cơ sở xác định, giữa Công ty S và Công ty D có ký kết hợp đồng mua bán hạt điều.

[3.2] Ngày 05/01/2024 ông Lê Quang H, đại diện theo pháp luật của bị đơn nhận thông báo thụ lý tại Tòa án nhân dân Quận 1 và nộp bản photo thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc khởi kiện Ngân hàng TMCP Q thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền hàng. Căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ từ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì: Công ty D ký kết hợp đồng mua bán hạt điều với Công ty V1 D'Arques, phương thức thanh toán theo Thutín dụng chứng từ LC; Công ty D căn cứ Thutín dụng LC20201117 ngày 30/11/2020 của Ngân hàng Q1 để giao hàng cho bên mua, sau vài lần bổ sung chứng từ trả về thì bộ chứng từ không khớp, trong khi đó hàng hóa đã thông quan ra khỏi cảng. Do đó, Công ty D khởi kiện yêu cầu Ngân hàng thanh toán tiền hàng theo chứng từ gốc đã giao. Như vậy, vụ kiện của Công ty D không liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa số 001/11/2020 DRC-TAP/HĐMB ngày 15/11/2020 giữa Công ty S và Công ty D.

[3.3] Bản photo vănquyền ngày 04/01/2021 do nguyên đơn cung cấp, thể hiện Công ty D đã ủy quyền cho bà Trần Thị Mỹ L thực hiện đi ủy nhiệm chi thanh toán cho Công ty S số tiền 2.437.220.016 đồng, nhưng không thanh toán.

[3.4] KhoảnĐiều 2 hợphai bên thỏa thuận về phương thức thanh toán như sau: *“Bên mua thanh toán 100% sau khi hai bên ký hợp đồng và giao hàng trong vòng 3 ngày làm việc (không tính ngày nghỉ), hoặc ủy quyền một lần ngân hàng thu hộ khi số tiền thanh toán của hợp đồng số: LC/CIF/DRC-VCD/001/11-2020 khi nhận được tiền từ LC”*.

[3.5] Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mạiđịnh về thanh toán hàng hóa: *“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”*.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật”

[3.6] Nhận thấy, bên bán đã giao hàng và bênmua đã nhận hàng vào ngày 28/11/2020, nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ theo quy định nhưng cho đến nay bị đơn vẫn không thanh toán tiền mua bán hạt điều là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng và theo quy định của pháp luật, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua bán hạt điều còn thiếu là 2.437.220.016 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Xét yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm của nguyên đơn từ ngày 28/11/2020 tạm tính đến ngày xét xử 28/6/2024 là 873.392.817 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Hợp đồng mua bán hàng hóa số 001/11/2020 DRC-TAP/HĐMB ngày 15/11/2020 các bên không thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”*

Đồng thời căn cứ mức lãi suất do 03 Ngân hàng trên địa bàn Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp mức lãi suất cho Tòa án trong tháng 5 và tháng 6/2024 thì lãi suất nợ quá hạn cho khoản vay trung, dài hạn trung bình tại thời điểm xét xử là 13.8%/năm, tương đương 1.15%/tháng (Lãi trong hạn: A: 7.6%/năm, V:

7.5%/năm, V2: 12.5%/năm). Như vậy, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu 10%/năm là thấp hơn so với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn chịu tiền phạt 5% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 121.861.000 đồng.

Điều 5 của hợp mua bán hàng hóa thỏa thuận “*nếu mua không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại hợp đồng này thì sẽ bị phạt số tiền là 5% tổng giá trị hợp đồng vi phạm*”

Căn cứ Điều 301 Luật Thương mại quy định về mức phạt vi phạm như sau: “*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này*”.

Thỏa thuận tiền phạt vi phạm tại Điều 5 của hợp mua bán hàng hóa số 001/11/2020 DRC-TAP/HĐMB là 5% giá trị hợp đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật, mặc dù nghĩa vụ vi phạm và giá trị hợp đồng bằng nhau, Hội đồng xét xử xét thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật là 5% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Số tiền phạt mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là $2.437.220.016 \text{ đồng} \times 5\% = 121.861.000 \text{ đồng}$

[6] Tổng số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: $2.437.220.016 \text{ đồng} + 873.392.817 \text{ đồng} + 121.861.000 \text{ đồng} = 3.432.473.833 \text{ đồng}$

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 3.432.473.833 đồng. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 100.649.477 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 50, Điều 301, Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH D thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền nợ mua bán hàng hóa còn thiếu là 2.365.742.097 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 28/6/2024 là 873.392.817 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng là 121.861.000 đồng. Tổng cộng là 3.432.473.833 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Về Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 100.649.477 đồng.

Công ty TNHH S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 48.708.828 đồng theo biên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0044934 ngày 22/11/2023 của C cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH S có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

Nguyễn Thị Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa